

Số: 120 / QĐ-TANDTC

Hà Nội, ngày 19 tháng 6 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định xử lý trách nhiệm người giữ chức danh tư pháp
trong Tòa án nhân dân**

CHÁNH ÁN TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO

Căn cứ Luật tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014;
Căn cứ Luật Cán bộ, công chức năm 2008;
Căn cứ Bộ luật lao động năm 2012;
Xét đề nghị của Trưởng ban Ban Thanh tra Tòa án nhân dân tối cao.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định xử lý trách nhiệm người giữ chức danh tư pháp trong Tòa án nhân dân.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 07 năm 2017.

Điều 3. Thủ trưởng các đơn vị thuộc Tòa án nhân dân tối cao, Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao, Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Chánh án Tòa án nhân dân cấp huyện, Thẩm phán, Thẩm tra viên, Thư ký trong Tòa án nhân dân chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *U*.

Nơi nhận: *K*

- Như Điều 3;
- Các Đ/c Phó Chánh án TANDTC;
- Đảng ủy TANDTC;
- Văn phòng BCSĐTANDTC;
- Công thông tin điện tử TANDTC;
- Lưu: VP, BTT (2).

CHÁNH ÁN


U Bình

Nguyễn Hòa Bình

QUY ĐỊNH
XỬ LÝ TRÁCH NHIỆM NGƯỜI GIỮ CHỨC DANH TƯ PHÁP
TRONG TÒA ÁN NHÂN DÂN

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 42/QĐ-TANDTC ngày 19/5/2017
của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao)*

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy định này điều chỉnh việc áp dụng nguyên tắc, hình thức, hậu quả, thẩm quyền, trình tự, thủ tục, thời hạn xử lý trách nhiệm người giữ chức danh tư pháp trong Tòa án nhân dân có hành vi vi phạm do thiếu trách nhiệm hoặc vi phạm trong khi thực hiện nhiệm vụ được giao nhưng chưa đến mức phải xử lý kỷ luật.

2. Quy định này không điều chỉnh việc xử lý trách nhiệm Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và người giữ chức danh tư pháp trong các Tòa án quân sự.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, các từ ngữ sau đây được hiểu như sau:

1. Người giữ chức danh tư pháp trong Tòa án nhân dân bao gồm: Chánh án, Phó Chánh án, Thẩm phán, Thẩm tra viên và Thư ký Tòa án (sau đây gọi là người giữ chức danh tư pháp).

2. Người đứng đầu là người giữ chức vụ quản lý cao nhất tại cơ quan, đơn vị trong các Tòa án nhân dân bao gồm: Vụ trưởng các Vụ Giám đốc, kiểm tra thuộc Tòa án nhân dân tối cao; Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao; Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh và Chánh án Tòa án nhân dân cấp huyện.

3. Bản án, quyết định do Tòa án có thẩm quyền hủy, sửa do lỗi chủ quan của Thẩm phán là những bản án, quyết định bị hủy, sửa nhưng không thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Do phát sinh tình tiết mới của vụ, việc mà quá trình giải quyết, xét xử Thẩm phán không thể biết;

b) Người tham gia tố tụng thay đổi yêu cầu theo quy định của pháp luật và sự thay đổi đó là căn cứ hủy, sửa bản án, quyết định của Tòa án;

c) Sau khi xét xử sơ thẩm xuất hiện tình tiết mới làm tăng nặng hoặc giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên dẫn đến hủy, sửa bản án, quyết định hoặc do chuyển biến tình hình, thay đổi pháp luật dẫn đến hủy, sửa bản án, quyết định của Tòa án.

4. Bản án, quyết định bị sửa nghiêm trọng do lỗi chủ quan của Thẩm phán là bản án, quyết định bị Tòa án cấp trên sửa trong những trường hợp sau đây:

a) Bản án, quyết định bị sửa về tội danh, thay đổi khung hình phạt;

b) Bản án, quyết định bị sửa một phần hoặc toàn bộ quyết định của Tòa án về yêu cầu của đương sự. Ví dụ: Bản án sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, Bản án phúc thẩm xử bác yêu cầu của nguyên đơn.

5. Thiếu trách nhiệm là việc người giữ chức danh tư pháp trong Tòa án nhân dân thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao không đầy đủ; không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nguyên tắc, chế độ, thủ tục, quy trình, quy phạm, tiêu chuẩn, điều kiện hoặc thời hạn theo quy định của pháp luật, quy chế, quy định của Tòa án nhân dân về công việc cụ thể đó.

6. Kiểm điểm trước cơ quan, đơn vị là hình thức xử lý trách nhiệm người giữ chức danh tư pháp có hành vi vi phạm do thiếu trách nhiệm hoặc vi phạm trong khi thực hiện nhiệm vụ được giao. Người bị xử lý trách nhiệm phải tự kiểm điểm, đánh giá, nhận xét về hành vi vi phạm trước cơ quan, đơn vị; tập thể cơ quan, đơn vị đánh giá, góp ý, nhận xét hoặc phê bình để người bị kiểm điểm rút ra những bài học kinh nghiệm và giải pháp khắc phục.

7. Tạm dừng thực hiện nhiệm vụ được giao là hình thức xử lý trách nhiệm người giữ chức danh tư pháp có hành vi vi phạm do thiếu trách nhiệm hoặc vi phạm trong khi thực hiện nhiệm vụ được giao làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân hoặc làm ảnh hưởng đến uy tín của người giữ chức danh tư pháp và cơ quan, đơn vị nơi người giữ chức danh tư pháp công tác.

8. Bố trí làm công việc khác là hình thức xử lý trách nhiệm người giữ chức danh tư pháp có hành vi vi phạm nghiêm trọng trong khi thực hiện nhiệm vụ được giao, gây thiệt hại cho cơ quan, tổ chức, cá nhân mà Tòa án phải bồi thường thiệt hại theo Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước hoặc làm giảm uy tín của người giữ chức danh tư pháp và cơ quan, đơn vị nơi người giữ chức danh tư pháp công tác.

9. Chưa xem xét đề nghị bổ nhiệm lại Thẩm phán là hình thức xử lý trách nhiệm Thẩm phán khi kết thúc nhiệm kỳ có hành vi vi phạm nghiêm trọng trong khi thực hiện nhiệm vụ được giao. Thẩm phán bị tạm dừng đề nghị bổ nhiệm lại phải tự kiểm điểm, trau dồi nghiệp vụ và phải hoàn thành một khóa bồi dưỡng do Tòa án nhân dân tối cao tổ chức.

10. Không xem xét đề nghị bổ nhiệm lại Thẩm phán là hình thức xử lý trách nhiệm Thẩm phán khi kết thúc nhiệm kỳ có hành vi vi phạm nghiêm trọng hoặc hành vi gây thiệt hại cho cơ quan, tổ chức, cá nhân dẫn đến việc Tòa án phải bồi thường theo Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước hoặc làm ảnh hưởng xấu đến uy tín của Tòa án, niềm tin của nhân dân vào Tòa án.

11. Năm công tác của Tòa án nhân dân bắt đầu từ ngày 01/10 của năm trước đến hết ngày 30/9 của năm sau. Thâm phán có hành vi vi phạm trước đây nhưng tại năm công tác hoặc nhiệm kỳ hiện tại mới được xác định và hành vi vi phạm đó chưa bị xử lý bằng một hình thức trách nhiệm thì hành vi vi phạm đó được tính là hành vi xảy ra tại năm công tác hoặc nhiệm kỳ hiện tại của Thâm phán.

12. Tổng số vụ, việc được giao giải quyết, xét xử trong một năm công tác hoặc trong một nhiệm kỳ của Thâm phán là tổng số vụ án hình sự, hành chính; vụ, việc dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động thuộc thẩm quyền của Tòa án theo quy định của pháp luật mà Thâm phán trực tiếp tham gia giải quyết, xét xử với tư cách chủ tọa hoặc thành viên Hội đồng xét xử trong một năm công tác hoặc trong một nhiệm kỳ. Việc xác định số vụ, việc đã giải quyết, xét xử của Thâm phán là thành viên Hội đồng xét xử được tính theo phương thức sau: Đối với Thâm phán chủ tọa phiên tòa, mỗi vụ, việc đã giải quyết, xét xử được tính là 01 vụ, việc; đối với Thâm phán khác được tính là 1/2 vụ, việc.

13. Rõ ràng sai trong việc đánh giá chứng cứ là việc Thâm phán đánh giá chứng cứ không đúng theo quy định của pháp luật mà khi xem xét nhận thấy ngay việc đánh giá chứng cứ như vậy là không đúng.

Điều 3. Nguyên tắc xử lý trách nhiệm

1. Kịp thời, khách quan, công bằng, nghiêm minh đúng quy định.

2. Người có nhiều hành vi vi phạm thì bị xử lý trách nhiệm về từng hành vi vi phạm và phải bị xử lý bằng hình thức trách nhiệm nặng hơn một mức so với hình thức xử lý trách nhiệm áp dụng đối với hành vi vi phạm nặng nhất.

3. Không áp dụng hình thức xử lý trách nhiệm thay cho hình thức kỷ luật và các hình thức xử lý khác.

4. Nghiêm cấm mọi hành vi xâm phạm thân thể, danh dự, nhân phẩm, tài sản và các lợi ích hợp pháp khác của người giữ chức danh tư pháp trong quá trình xử lý trách nhiệm.

5. Những người bị xử lý trách nhiệm không đúng quy định sẽ được kịp thời khôi phục lại nhiệm vụ, quyền hạn và được xem như chưa bị xử lý trách nhiệm.

6. Chỉ xử lý trách nhiệm người giữ chức danh tư pháp có hành vi vi phạm liên quan đến hoạt động tư pháp của Tòa án.

7. Việc xử lý trách nhiệm người giữ chức danh tư pháp được thực hiện khi xác định có hành vi vi phạm.

Điều 4. Hình thức, hậu quả của việc xử lý trách nhiệm

1. Người giữ chức danh tư pháp trong Tòa án nhân dân có hành vi vi phạm nhưng chưa đến mức phải xử lý kỷ luật thì có thể bị xử lý trách nhiệm bằng các hình thức sau đây:

a) Kiểm điểm trước cơ quan, đơn vị;

- b) Tạm dừng thực hiện nhiệm vụ được giao;
- c) Bố trí làm công việc khác;
- d) Chưa xem xét đề nghị bổ nhiệm lại Thẩm phán;
- đ) Không xem xét đề nghị bổ nhiệm lại Thẩm phán.

2. Hậu quả của việc xử lý trách nhiệm

a) Người bị xử lý trách nhiệm quy định tại điểm a khoản 1 Điều này không được xem xét, đề nghị người có thẩm quyền khen tặng danh hiệu thi đua từ “Lao động tiên tiến” trở lên khi kết thúc năm công tác;

b) Người bị xử lý trách nhiệm bằng một trong các hình thức quy định tại các điểm b, c, d, đ khoản 1 Điều này, ngoài việc chịu hậu quả quy định tại điểm a khoản 2 Điều này, tùy vào tính chất, mức độ vi phạm phải chịu các hậu quả khác như: Không được xem xét quy hoạch chức vụ lãnh đạo, quản lý; không được xem xét cử đi đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, lý luận chính trị hoặc các hình thức đào tạo khác ở trong nước và nước ngoài; không được xem xét đề nghị bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo, quản lý; không được tham gia kỳ thi tuyển chọn, nâng ngạch Thẩm phán, kỳ thi chuyên ngạch, nâng ngạch đối với Thẩm tra viên, Thư ký Tòa án trong thời gian bị xử lý trách nhiệm.

Đối với người bị xử lý trách nhiệm bằng hình thức tạm dừng thực hiện nhiệm vụ được giao hoặc bố trí làm công việc khác thì thời hạn chịu hậu quả được quy định tại điểm b, khoản 2 Điều này là 12 tháng kể từ ngày quyết định tạm dừng thực hiện nhiệm vụ được giao hoặc quyết định bố trí làm công việc khác có hiệu lực;

c) Người bị xử lý trách nhiệm bằng hình thức chưa xem xét đề nghị bổ nhiệm lại Thẩm phán có thời hạn từ 12 tháng trở lên thì ngoài việc chịu hậu quả của việc xử lý trách nhiệm theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều này, còn phải hoàn thành một khóa bồi dưỡng do Tòa án nhân dân tối cao tổ chức. Sau khi hết thời hạn tạm dừng phải có bản tự kiểm điểm đánh giá kết quả rèn luyện, học tập; ý kiến nhận xét bằng văn bản của thủ trưởng cơ quan, đơn vị quản lý. Căn cứ kết quả kiểm điểm của Thẩm phán, Ban Thanh tra phối hợp Vụ Tổ chức - Cán bộ thẩm tra hồ sơ, tham mưu, đề xuất Chánh án Tòa án nhân dân tối cao trình Hội đồng tuyển chọn, giám sát Thẩm phán quốc gia xem xét, quyết định;

d) Thẩm phán đang trong thời gian chấp hành quyết định xử lý trách nhiệm bằng hình thức chưa xem xét đề nghị bổ nhiệm lại, nếu có hành vi vi phạm trong khi thực hiện nhiệm vụ mới thì tùy theo tính chất, mức độ của hành vi vi phạm, có thể không được xem xét đề nghị bổ nhiệm lại Thẩm phán;

đ) Thẩm phán bị xử lý trách nhiệm bằng hình thức chưa xem xét đề nghị bổ nhiệm lại thì thủ trưởng cơ quan trực tiếp quản lý giao làm công việc khác trong thời gian chưa xem xét đề nghị bổ nhiệm lại;

e) Thẩm phán bị xử lý trách nhiệm bằng hình thức bố trí làm công việc khác quy định tại khoản 6 Điều 11 Quy định này, khi kết thúc nhiệm kỳ vẫn có thể được xem xét đề nghị bổ nhiệm lại Thẩm phán;

g) Thẩm phán bị xử lý trách nhiệm bằng hình thức không xem xét đề nghị bổ nhiệm lại thì thủ trưởng cơ quan trực tiếp quản lý giao làm công việc khác;

h) Thẩm phán có hành vi vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 11 Quy định này, ngoài việc bị dừng thực hiện nhiệm vụ xét xử để bố trí làm công việc khác còn có thể bị xử lý theo quy định của Luật Cán bộ công chức, Luật tổ chức Tòa án nhân dân và các văn bản pháp luật có liên quan.

Điều 5. Thẩm quyền xử lý trách nhiệm

1. Trường hợp Thẩm phán giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý là Chánh án, thì Chánh án Tòa án cấp trên trực tiếp quản lý có thẩm quyền xử lý và quyết định hình thức xử lý trách nhiệm. Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh do Chánh án Tòa án nhân dân tối cao xử lý và quyết định hình thức xử lý trách nhiệm.

2. Đối với Phó Chánh án, Thẩm phán, Thẩm tra viên, Thư ký Tòa án thì người đứng đầu cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý hoặc được phân cấp quản lý tiến hành xử lý trách nhiệm và quyết định hình thức xử lý trách nhiệm.

3. Thẩm phán có hành vi vi phạm bị xử lý trách nhiệm bằng hình thức chưa xem xét đề nghị bổ nhiệm lại hoặc không xem xét đề nghị bổ nhiệm lại do Chánh án Tòa án nhân dân tối cao xem xét, quyết định.

4. Đối với người giữ chức danh tư pháp được biệt phái thì Chánh án Tòa án nhân dân nơi người được biệt phái đến phối hợp với Chánh án Tòa án nhân dân nơi cử người biệt phái xử lý trách nhiệm người có hành vi vi phạm. Nếu người giữ chức danh tư pháp trong thời gian biệt phái có hành vi vi phạm thì tùy trường hợp cụ thể, xử lý như sau:

a) Nếu bị xử lý bằng hình thức kiểm điểm thì Tòa án nơi người giữ chức danh tư pháp được biệt phái đến tổ chức kiểm điểm;

b) Nếu bị xử lý bằng hình thức tạm dừng thực hiện nhiệm vụ hoặc bố trí làm công việc khác thì Tòa án nơi người giữ chức danh tư pháp được biệt phái đến lập hồ sơ gửi Tòa án nơi cử người giữ chức danh tư pháp đi biệt phái xem xét, quyết định. Trường hợp này việc biệt phái cũng đồng thời chấm dứt;

c) Trường hợp người giữ chức danh tư pháp là Thẩm phán trung cấp, lãnh đạo Tòa chuyên trách, lãnh đạo cấp phòng của Tòa án nhân dân cấp tỉnh được biệt phái đến Tòa án nhân dân cấp huyện nếu có hành vi vi phạm, thì Chánh án Tòa án nhân dân cấp huyện nơi người giữ chức danh tư pháp được biệt phái đến công tác lập hồ sơ gửi Chánh án Tòa án cấp tỉnh để xử lý.

5. Đối với người giữ chức danh tư pháp đã chuyển công tác, sau đó mới xác định có hành vi vi phạm tại cơ quan, đơn vị đã công tác thì người đứng đầu cơ quan quản lý người giữ chức danh tư pháp, nơi xảy ra vi phạm có thẩm quyền xử lý trách nhiệm, quyết định hình thức xử lý trách nhiệm và gửi hồ sơ, quyết định xử lý trách nhiệm về cơ quan đang quản lý người giữ chức danh tư pháp.

6. Người giữ chức danh tư pháp có hành vi vi phạm trong khi thực hiện nhiệm vụ được giao; trong việc chấp hành quy tắc ứng xử, tác phong, đạo đức, lối sống được phát hiện qua công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát hoặc qua đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của công dân hoặc phản ánh của các phương tiện

thông tin đại chúng thì Ban Thanh tra Tòa án nhân dân tối cao; Phòng Tổ chức cán bộ, Thanh tra và Thi đua khen thưởng tại Tòa án nhân dân cấp cao, Tòa án nhân dân cấp tỉnh đề xuất Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao, Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh xem xét, xử lý trách nhiệm.

7. Người đứng đầu cơ quan, đơn vị có thẩm quyền quản lý hoặc được phân cấp quản lý người giữ chức danh tư pháp, tổ chức cuộc họp để xử lý trách nhiệm và quyết định hình thức xử lý trách nhiệm. Thành phần, trình tự, thủ tục xử lý trách nhiệm thực hiện theo Quy định này.

Điều 6. Xác định lỗi, tính chất, mức độ hậu quả hành vi vi phạm của người giữ chức danh tư pháp

1. Việc xác định lỗi, tính chất, mức độ hậu quả của hành vi vi phạm do người có thẩm quyền xử lý trách nhiệm xem xét, quyết định trên cơ sở quy định tại Quy định này và các quy định của pháp luật có liên quan, yêu cầu nhiệm vụ chính trị của Tòa án nhân dân, tình hình chính trị tại địa phương, thiệt hại xảy ra trên thực tế, mức độ ảnh hưởng xấu đến uy tín của cơ quan, đơn vị và của người giữ chức danh tư pháp.

2. Việc xác định lỗi, tính chất, mức độ hậu quả đối với bản án, quyết định bị hủy, sửa căn cứ vào nhận xét, đánh giá của bản án, quyết định của Tòa án có thẩm quyền đã hủy, sửa bản án, quyết định đó và thiệt hại xảy ra trên thực tế.

Điều 7. Trình tự, thủ tục xử lý trách nhiệm bằng hình thức kiểm điểm trước cơ quan, đơn vị; tạm dừng thực hiện nhiệm vụ được giao và bố trí làm công việc khác

1. Người có thẩm quyền quy định tại Điều 5 Quy định này chịu trách nhiệm tổ chức cuộc họp để người có hành vi vi phạm tự kiểm điểm và nhận hình thức trách nhiệm. Việc tổ chức cuộc họp kiểm điểm được tiến hành như sau:

a) Trường hợp cơ quan quản lý người giữ chức danh tư pháp có đơn vị trực thuộc thì đơn vị trực thuộc tổ chức cuộc họp kiểm điểm với thành phần dự họp bao gồm đại diện lãnh đạo chính quyền, cấp ủy, công đoàn, lãnh đạo cấp phòng và tương đương. Biên bản cuộc họp kiểm điểm ở đơn vị trực thuộc được gửi đến người đứng đầu cơ quan quản lý người giữ chức danh tư pháp;

b) Trường hợp đơn vị sử dụng người giữ chức danh tư pháp không có đơn vị trực thuộc (cấp phòng) thì tổ chức cuộc họp kiểm điểm với thành phần dự họp là toàn thể công chức, viên chức và người lao động của đơn vị sử dụng người giữ chức danh tư pháp.

2. Đối với người đứng đầu có hành vi vi phạm thì người đứng đầu cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Quy định này có trách nhiệm tổ chức họp kiểm điểm và quyết định thành phần dự họp.

3. Người có hành vi vi phạm phải làm bản tự kiểm điểm, trong đó tự nhận hình thức xử lý trách nhiệm. Trường hợp người có hành vi vi phạm vắng mặt sau 02 lần thông báo triệu tập họp lệ mà không có lý do chính đáng thì cuộc họp kiểm điểm vẫn được tiến hành. Trường hợp người bị kiểm điểm vắng mặt thì

trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày tổ chức cuộc họp kiểm điểm, biên bản cuộc họp phải được giao cho người bị kiểm điểm. Nếu người có hành vi vi phạm vắng mặt sau 02 lần thông báo triệu tập họp lệ, có dấu hiệu trốn tránh thì bị xử lý trách nhiệm bằng hình thức nặng hơn một mức, trừ trường hợp người đó bị xử lý trách nhiệm bằng hình thức nặng nhất.

4. Nội dung cuộc họp xử lý người có hành vi vi phạm phải được lập thành biên bản. Biên bản phải được công khai tại cuộc họp và do người chủ trì cuộc họp và người ghi biên bản ký. Biên bản cuộc họp phải có kiến nghị áp dụng hình thức xử lý trách nhiệm đối với người có hành vi vi phạm.

Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc cuộc họp kiểm điểm, biên bản cuộc họp kiểm điểm phải được gửi đến người có thẩm quyền xử lý trách nhiệm theo quy định tại Điều 5 của Quy định này.

5. Việc xử lý trách nhiệm người có hành vi vi phạm phải được thể hiện bằng văn bản.

Điều 8. Thời hạn xử lý trách nhiệm

1. Thời hạn xử lý trách nhiệm tối đa là 30 ngày, kể từ ngày xác định người giữ chức danh tư pháp có hành vi vi phạm cho đến ngày người đứng đầu cơ quan, đơn vị có thẩm quyền ra quyết định xử lý.

2. Khi phát hiện hành vi vi phạm của người giữ chức danh tư pháp, người đứng đầu cơ quan, đơn vị có thẩm quyền xử lý trách nhiệm quy định tại Điều 5 Quy định này phải kiểm tra, xác định rõ hành vi vi phạm và ra thông báo bằng văn bản về việc xem xét xử lý trách nhiệm. Thông báo phải nêu rõ thời điểm người giữ chức danh tư pháp có hành vi vi phạm, thời điểm xác định người giữ chức danh tư pháp có hành vi vi phạm và thời hạn xử lý trách nhiệm.

3. Trường hợp vụ, việc có liên quan đến nhiều người hoặc có tình tiết phức tạp cần có thời gian thanh tra, kiểm tra để xác minh làm rõ thì thời hạn xử lý trách nhiệm có thể kéo dài nhưng tối đa không quá 60 ngày.

Chương II XỬ LÝ TRÁCH NHIỆM NGƯỜI GIỮ CHỨC DANH TƯ PHÁP

Mục 1: XỬ LÝ TRÁCH NHIỆM THẨM PHÁN

Điều 9. Xử lý trách nhiệm bằng hình thức kiểm điểm trước cơ quan, đơn vị

Thẩm phán bị xử lý trách nhiệm bằng hình thức kiểm điểm trước cơ quan, đơn vị khi có một trong những hành vi vi phạm sau đây:

1. Thẩm phán có một trong những hành vi vi phạm trong việc xử lý đơn, thụ lý đơn khởi kiện, đơn yêu cầu giải quyết vụ, việc:

a) Xử lý đơn khởi kiện để quá thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày hết thời hạn quy định tại Khoản 3 Điều 191 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 3 Điều 121 Luật tố tụng hành chính;

b) Xử lý đơn yêu cầu giải quyết vụ, việc dân sự để quá thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày hết thời hạn quy định tại Điều 363 Bộ luật tố tụng dân sự;

c) Thụ lý vụ, việc chậm quá thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày đủ điều kiện thụ lý theo quy định tại Điều 195; khoản 4 Điều 363 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 125 Luật tố tụng hành chính;

d) Trả lại đơn khởi kiện, đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự không đúng quy định của pháp luật, gây ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân hoặc gây dư luận xấu, ảnh hưởng đến uy tín của Tòa án nhân dân.

2. Để từ 01 đến 03 vụ, việc quá thời hạn dưới 06 tháng, kể từ ngày hết thời hạn chuẩn bị xét xử, thời hạn chuẩn bị xét đơn yêu cầu theo quy định của pháp luật nhưng không có lý do chính đáng.

3. Ra 01 quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời không đúng quy định của pháp luật hoặc không ra quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quy định của pháp luật.

4. Ra bản án, quyết định, sau khi được công bố trên Cổng thông tin điện tử Tòa án có nhiều sai sót bị phát hiện, gây dư luận xấu, ảnh hưởng đến uy tín của Tòa án nhân dân.

5. Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, không thực hiện hoặc thực hiện không đúng việc công bố bản án, quyết định trên Cổng thông tin điện tử của Tòa án theo quy định của Nghị quyết 03/2017/NQ-HĐTP ngày 16/3/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

6. Có hành vi chậm ra bản án, cấp trích lục, giao hoặc gửi bản án không đúng quy định của pháp luật.

7. Trong thời gian giữ nhiệm kỳ, Thẩm phán có tỷ lệ bản án, quyết định bị hủy do lỗi chủ quan từ trên 1,16% đến dưới 2% so với tổng số vụ, việc đã tham gia giải quyết, xét xử.

8. Ra 01 quyết định tạm đình chỉ xét xử, giải quyết vụ, việc không có căn cứ theo quy định của pháp luật.

9. Trong một năm, Thẩm phán ra bản án xử phạt 01 bị cáo hình phạt tù cho hưởng án treo, cảnh cáo, phạt tiền (hình phạt chính), cải tạo không giam giữ không đúng quy định của pháp luật.

Điều 10. Xử lý trách nhiệm bằng hình thức tạm dừng thực hiện nhiệm vụ được giao

Thẩm phán bị xử lý trách nhiệm bằng hình thức tạm dừng thực hiện nhiệm vụ được giao trong thời gian 30 ngày khi có một trong những hành vi vi phạm sau đây:

1. Đã bị xử lý trách nhiệm bằng hình thức kiểm điểm trước cơ quan, đơn vị nhưng sau đó tiếp tục có một trong những hành vi vi phạm được quy định tại các khoản từ khoản 1 đến khoản 6 Điều 9 Quy định này.

2. Ra từ 02 quyết định tạm đình chỉ xét xử, giải quyết vụ, việc không có căn cứ gây ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

3. Đề từ trên 03 vụ, việc quá thời hạn dưới 06 tháng hoặc 01 vụ, việc trở lên quá thời hạn từ 06 tháng trở lên kể từ ngày hết thời hạn chuẩn bị xét xử, thời hạn chuẩn bị xét đơn yêu cầu theo quy định của pháp luật nhưng không có lý do chính đáng.

4. Chậm ra bản án; cấp trích lục, giao hoặc gửi bản án không đúng quy định của pháp luật gây ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

5. Trong một năm công tác, Thẩm phán ra bản án xử phạt 02 bị cáo hình phạt tù cho hưởng án treo, cảnh cáo, phạt tiền (hình phạt chính), cải tạo không giam giữ không đúng quy định của pháp luật.

6. Ra 01 quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời không đúng quy định của pháp luật hoặc không ra quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quy định của pháp luật, gây thiệt hại phải bồi thường theo Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước.

7. Trong thời gian giữ nhiệm kỳ, Thẩm phán ra bản án, quyết định bị hủy do lỗi chủ quan chiếm tỷ lệ từ 2% đến dưới 3% trên tổng số vụ, việc đã tham gia giải quyết, xét xử.

Điều 11. Xử lý trách nhiệm bằng hình thức bố trí làm công việc khác

Thẩm phán bị xử lý trách nhiệm bằng hình thức bố trí làm công việc khác khi có một trong những hành vi vi phạm sau đây:

1. Ra bản án tuyên bị cáo có tội, nhưng sau đó có bản án hoặc quyết định có hiệu lực pháp luật của Tòa án có thẩm quyền tuyên bị cáo đó không có tội, hoặc hủy bản án đề điều tra lại mà sau đó bị can được đình chỉ điều tra, đình chỉ vụ án vì không có sự việc phạm tội hoặc hành vi không cấu thành tội phạm.

2. Xét xử bỏ lọt tội phạm đối với 01 bị cáo do lỗi chủ quan trong trường hợp Viện kiểm sát truy tố, Thẩm phán tuyên bị cáo không có tội nhưng sau đó Tòa án có thẩm quyền ra bản án tuyên bị cáo có tội.

3. Ra bản án, quyết định không đúng pháp luật, gây thiệt hại cho cơ quan, tổ chức, cá nhân dẫn đến việc Tòa án phải bồi thường theo Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước.

4. Có bản án, quyết định bị hủy vì rõ ràng sai trong việc: Xem xét, đánh giá chứng cứ; vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng; áp dụng pháp luật không đúng gây thiệt hại đến tài sản Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân hoặc gây ảnh hưởng đến uy tín của Tòa án.

5. Trong thời gian giữ nhiệm kỳ, Thẩm phán ra bản án, quyết định bị hủy do lỗi chủ quan chiếm tỷ lệ từ 3% trở lên trên tổng số vụ, việc đã tham gia giải quyết, xét xử.

6. Trong một năm công tác, Thẩm phán ra bản án xử phạt 03 bị cáo trở lên hình phạt tù cho hưởng án treo, cảnh cáo, phạt tiền (hình phạt chính), cải tạo không giam giữ không đúng quy định của pháp luật.

7. Trong một năm công tác, Thẩm phán áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo, hình phạt cảnh cáo, phạt tiền (hình phạt chính), cải tạo không giam giữ không đúng quy định của pháp luật đối với 01 bị cáo phạm tội tham nhũng hoặc 01 bị cáo phạm tội khác nhưng gây dư luận xấu.

8. Đã bị xử lý trách nhiệm bằng hình thức tạm dừng thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy định tại khoản 5 Điều 10 Quy định này, nhưng sau đó tiếp tục ra 01 quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời không đúng quy định của pháp luật hoặc không ra quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quy định của pháp luật gây thiệt hại dẫn đến Tòa án phải bồi thường theo Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước.

Điều 12. Xử lý trách nhiệm bằng hình thức chưa xem xét đề nghị bỏ nhiệm lại Thẩm phán

Khi kết thúc nhiệm kỳ, Thẩm phán bị xử lý trách nhiệm bằng hình thức chưa xem xét đề nghị bỏ nhiệm lại trong những trường hợp sau đây:

1. Thẩm phán được giao giải quyết, xét xử dưới 100 vụ, việc có bản án, quyết định bị hủy do lỗi chủ quan chiếm tỷ lệ từ 1,5 % đến dưới 3% trên tổng số vụ, việc đã giải quyết, xét xử.

2. Thẩm phán được giao giải quyết, xét xử từ 100 vụ, việc trở lên có bản án, quyết định bị hủy do lỗi chủ quan chiếm tỷ lệ từ trên 1,16% đến dưới 3% trên tổng số vụ, việc đã giải quyết, xét xử.

3. Đề từ 03 vụ, việc quá thời hạn giải quyết, xét xử theo quy định của pháp luật từ 12 tháng trở lên nhưng không có lý do chính đáng.

4. Ra bản án xử phạt 01 đến 03 bị cáo hình phạt tù cho hưởng án treo, cảnh cáo, phạt tiền (hình phạt chính), cải tạo không giam giữ không đúng quy định của pháp luật.

Điều 13. Xử lý trách nhiệm bằng hình thức không xem xét đề nghị bỏ nhiệm lại Thẩm phán

Khi kết thúc nhiệm kỳ, Thẩm phán bị xử lý trách nhiệm bằng hình thức không xem xét đề nghị bỏ nhiệm lại trong những trường hợp sau đây:

1. Có tổng số bản án, quyết định bị hủy do lỗi chủ quan chiếm tỷ lệ trên 3% so với tổng số vụ, việc đã giải quyết, xét xử.

2. Có một trong những hành vi vi phạm quy định từ khoản 1 đến khoản 4 Điều 11 Quy định này.

3. Ra bản án xử phạt 04 bị cáo trở lên hình phạt tù cho hưởng án treo, cảnh cáo, phạt tiền (hình phạt chính), cải tạo không giam giữ không đúng quy định của pháp luật.

4. Quyết định hình phạt tù cho hưởng án treo, hình phạt cảnh cáo, phạt tiền (hình phạt chính), cải tạo không giam giữ không đúng quy định của pháp luật đối

với bị cáo phạm tội tham nhũng hoặc đối với bị cáo phạm tội khác gây dư luận xấu.

5. Trong nhiệm kỳ, Thẩm phán có từ hai lần trở lên bị xử lý trách nhiệm bằng hình thức tạm dừng thực hiện nhiệm vụ được giao, quy định tại khoản 6 Điều 10 Quy định này.

6. Ban hành các quyết định khác không đúng quy định của pháp luật, gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản, quyền lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân mà Tòa án phải bồi thường theo Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước.

Điều 14. Trách nhiệm của Thẩm phán trong Hội đồng xét xử

Việc xác định trách nhiệm của các Thẩm phán trong Hội đồng xét xử được thực hiện như sau:

1. Đối với Thẩm phán chủ tọa có 01 bản án, quyết định bị hủy do lỗi chủ quan thì tính là 01 vụ, việc; trừ trường hợp ý kiến của Thẩm phán khác với ý kiến của Hội đồng xét xử nhưng là thiếu sót; ý kiến đó phải được thể hiện bằng văn bản và lưu hồ sơ vụ án.

2. Đối với các Thẩm phán còn lại, mỗi bản án, quyết định bị hủy do lỗi chủ quan thì tính bằng $\frac{1}{2}$ vụ, việc; trừ trường hợp ý kiến của Thẩm phán khác với ý kiến của Hội đồng xét xử nhưng là thiếu sót; ý kiến đó phải được thể hiện bằng văn bản và lưu hồ sơ vụ án.

3. Trường hợp bản án, quyết định bị hủy một phần do lỗi chủ quan thì tính bằng $\frac{1}{2}$ vụ, việc đối với Thẩm phán chủ tọa; $\frac{1}{4}$ vụ, việc đối với Thẩm phán thành viên khác; trừ trường hợp ý kiến của Thẩm phán khác với ý kiến của Hội đồng xét xử nhưng là thiếu sót; ý kiến đó phải được thể hiện bằng văn bản và lưu hồ sơ vụ án.

4. Tỷ lệ bản án, quyết định bị hủy do lỗi chủ quan được tính trên tổng số vụ, việc mà Thẩm phán được phân công làm chủ tọa phiên tòa, phân công giải quyết việc Dân sự và tham gia Hội đồng xét xử.

Điều 15. Trách nhiệm của Thẩm phán khi ra bản án, quyết định bị sửa nghiêm trọng do lỗi chủ quan

Thẩm phán được phân công giải quyết vụ, việc nhưng ra bản án hoặc quyết định bị sửa nghiêm trọng do lỗi chủ quan nhưng chưa đến mức bị xử lý kỷ luật thì bị xử lý trách nhiệm theo Quy định này. Trách nhiệm đối với 1 bản án, quyết định bị sửa nghiêm trọng do lỗi chủ quan của Thẩm phán tính bằng $\frac{1}{2}$ bản án, quyết định bị hủy do lỗi chủ quan.

Điều 16. Quy định về thời gian chưa xem xét đề nghị bổ nhiệm lại Thẩm phán

1. Khi kết thúc nhiệm kỳ, Thẩm phán đã giải quyết, xét xử dưới 100 vụ, việc có tỷ lệ bản án, quyết định bị hủy do lỗi chủ quan quy định tại khoản 1 Điều 12 Quy định này thì thời gian chưa xem xét đề nghị bổ nhiệm lại được thực hiện như sau:

a) Có bản án, quyết định bị hủy do lỗi chủ quan trên tổng số vụ, việc đã giải quyết, xét xử trong nhiệm kỳ chiếm tỷ lệ từ 1,5% đến 2% thì chưa xem xét đề nghị bổ nhiệm lại trong thời hạn 06 tháng;

b) Có bản án, quyết định bị hủy do lỗi chủ quan trên tổng số vụ, việc đã giải quyết, xét xử trong nhiệm kỳ chiếm tỷ lệ từ trên 2% đến 2,4% thì chưa xem xét đề nghị bổ nhiệm lại trong thời hạn 09 tháng;

c) Có bản án, quyết định bị hủy do lỗi chủ quan trên tổng số vụ, việc đã giải quyết, xét xử trong nhiệm kỳ chiếm tỷ lệ từ trên 2,4% đến 2,6% thì chưa xem xét đề nghị bổ nhiệm lại trong thời hạn 12 tháng;

d) Có bản án, quyết định bị hủy do lỗi chủ quan trên tổng số vụ, việc đã giải quyết, xét xử trong nhiệm kỳ chiếm tỷ lệ từ trên 2,6% đến dưới 3% thì chưa xem xét đề nghị bổ nhiệm lại trong thời hạn 18 tháng.

2. Khi kết thúc nhiệm kỳ, Thẩm phán đã giải quyết, xét xử từ 100 vụ, việc trở lên có tỷ lệ bản án, quyết định bị hủy do lỗi chủ quan quy định tại khoản 2 Điều 12 Quy định này thì thời gian chưa xem xét đề nghị bổ nhiệm được thực hiện như sau:

a) Có bản án, quyết định bị hủy do lỗi chủ quan trên tổng số vụ, việc đã giải quyết, xét xử trong nhiệm kỳ chiếm tỷ lệ từ trên 1,16% đến 1,2% thì chưa xem xét đề nghị bổ nhiệm lại trong thời hạn 06 tháng;

b) Có bản án, quyết định bị hủy do lỗi chủ quan trên tổng số vụ, việc đã giải quyết, xét xử trong nhiệm kỳ chiếm tỷ lệ từ trên 1,2 % đến 1,5 % thì chưa xem xét đề nghị bổ nhiệm lại trong thời hạn 09 tháng;

c) Có bản án, quyết định bị hủy do lỗi chủ quan trên tổng số vụ, việc đã giải quyết, xét xử trong nhiệm kỳ chiếm tỷ lệ từ trên 1,5% đến 2% thì chưa xem xét đề nghị bổ nhiệm lại trong thời hạn 12 tháng;

d) Có bản án, quyết định bị hủy do lỗi chủ quan trên tổng số vụ, việc đã giải quyết, xét xử trong nhiệm kỳ chiếm tỷ lệ từ trên 2% đến dưới 3% thì chưa xem xét đề nghị bổ nhiệm lại trong thời hạn 18 tháng.

3. Khi kết thúc nhiệm kỳ, Thẩm phán có bản án xử phạt bị cáo hình phạt tù cho hưởng án treo, cảnh cáo, phạt tiền (hình phạt chính), cải tạo không giam giữ không đúng quy định của pháp luật thì thời gian chưa xem xét đề nghị bổ nhiệm lại được thực hiện như sau:

a) Ra bản án xử phạt 01 bị cáo hình phạt tù cho hưởng án treo, cảnh cáo, phạt tiền (hình phạt chính), cải tạo không giam giữ không đúng quy định của pháp luật thì chưa xem xét đề nghị bổ nhiệm lại trong thời hạn 09 tháng;

b) Ra bản án xử phạt 02 bị cáo hình phạt tù cho hưởng án treo, cảnh cáo, phạt tiền (hình phạt chính), cải tạo không giam giữ không đúng quy định của pháp luật thì chưa xem xét đề nghị bổ nhiệm lại trong thời hạn 12 tháng;

c) Ra bản án xử phạt 03 bị cáo hình phạt tù cho hưởng án treo, hình phạt cảnh cáo, phạt tiền (hình phạt chính), cải tạo không giam giữ không đúng quy định của pháp luật thì chưa xem xét đề nghị bổ nhiệm lại trong thời hạn 18 tháng.

4. Khi kết thúc nhiệm kỳ, Thẩm phán đề từ 03 vụ, việc quá thời hạn giải quyết, xét xử theo quy định của pháp luật từ 12 tháng trở lên nhưng không có lý do chính đáng thì chưa xem xét đề nghị bổ nhiệm lại trong thời hạn 12 tháng.

Điều 17. Trình tự, thủ tục xử lý trách nhiệm bằng hình thức chưa xem xét đề nghị bổ nhiệm lại hoặc không xem xét đề nghị bổ nhiệm lại Thẩm phán

1. Đối với Tòa án nhân dân cấp cao, Tòa án nhân dân cấp tỉnh: Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao, Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh tổ chức cuộc họp kiểm điểm. Thành phần tham dự bao gồm: Tập thể lãnh đạo, đại diện cấp ủy, công đoàn, Ủy ban Thẩm phán, đại diện lãnh đạo các Tòa chuyên trách, đại diện lãnh đạo các phòng chức năng của cơ quan trực tiếp quản lý, sử dụng Thẩm phán. Thẩm phán có hành vi vi phạm đọc bản tự kiểm điểm; các thành viên dự họp nhận xét, đánh giá về tính chất, mức độ của hành vi vi phạm, đề nghị thời gian chưa xem xét đề nghị bổ nhiệm lại hoặc kiến nghị không xem xét đề nghị bổ nhiệm lại Thẩm phán. Hồ sơ đề nghị xử lý trách nhiệm Thẩm phán gửi đến Tòa án nhân dân tối cao (qua Ban Thanh tra) để thẩm tra.

2. Đối với Tòa án nhân dân cấp huyện:

a) Chánh án Tòa án nhân dân cấp huyện tổ chức cuộc họp kiểm điểm. Thành phần tham dự bao gồm: Tập thể lãnh đạo, đại diện cấp ủy, công đoàn và các Thẩm phán đang công tác tại cơ quan. Thẩm phán có hành vi vi phạm đọc bản tự kiểm điểm; các thành viên dự họp nhận xét, đánh giá về tính chất, mức độ của hành vi vi phạm, đề nghị thời gian chưa xem xét đề nghị bổ nhiệm lại hoặc kiến nghị không xem xét đề nghị bổ nhiệm lại Thẩm phán. Hồ sơ đề nghị xử lý trách nhiệm gửi đến Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, Tòa án nhân dân cấp tỉnh gửi hồ sơ đề nghị xử lý trách nhiệm đến Tòa án nhân dân tối cao (qua Ban Thanh tra) để thẩm tra.

b) Đối với Thẩm phán trung cấp được biệt phái công tác tại Tòa án nhân dân cấp huyện thì Chánh án Tòa án nhân dân cấp huyện tổ chức cuộc họp kiểm điểm. Lập hồ sơ đề nghị xử lý trách nhiệm gửi đến Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh. Sau khi nhận được hồ sơ đề nghị xử lý trách nhiệm, trong thời hạn 07 ngày làm việc, Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh có văn bản đánh giá, nhận xét, kiến nghị gửi kèm hồ sơ đề nghị xử lý trách nhiệm đến Tòa án nhân dân tối cao (qua Ban Thanh tra) để thẩm tra.

3. Nội dung cuộc họp xử lý trách nhiệm người có hành vi vi phạm phải được lập thành biên bản. Biên bản phải được công khai tại cuộc họp và do người chủ trì cuộc họp và người ghi biên bản ký. Biên bản cuộc họp phải có kiến nghị áp dụng hình thức xử lý trách nhiệm đối với người có hành vi vi phạm.

4. Sau khi nhận được hồ sơ đề nghị xử lý trách nhiệm Thẩm phán của Tòa án nhân dân trực tiếp quản lý, sử dụng Thẩm phán gửi đến hoặc trong quá trình thực hiện nhiệm vụ thanh tra, kiểm tra, giám sát Thẩm phán, phát hiện Thẩm phán thuộc trường hợp sẽ bị xử lý trách nhiệm bằng hình thức chưa xem xét đề nghị bổ nhiệm lại hoặc không xem xét đề nghị bổ nhiệm lại thì Ban Thanh tra Tòa án nhân dân tối cao phối hợp với Vụ Tổ chức – Cán bộ và cơ quan trực tiếp

quản lý, sử dụng Thẩm phán, thẩm tra hồ sơ giám sát Thẩm phán, nghiên cứu, đề xuất Chánh án Tòa án nhân dân tối cao xem xét, quyết định.

5. Căn cứ kết quả phiên họp Hội đồng tuyển chọn, giám sát Thẩm phán quốc gia, Vụ Tổ chức - Cán bộ phối hợp với Ban Thanh tra thông báo đến Chánh án Tòa án nhân dân trực tiếp quản lý, sử dụng Thẩm phán có hành vi vi phạm biết để thực hiện và lưu hồ sơ giám sát Thẩm phán.

Điều 18. Trình tự, thủ tục xem xét kiến nghị đối với bản án, quyết định của Thẩm phán bị Tòa án có thẩm quyền hủy, sửa do lỗi chủ quan

1. Thẩm phán có bản án, quyết định bị Tòa án có thẩm quyền hủy, sửa do lỗi chủ quan, nếu không đồng ý với quyết định đó thì có thể kiến nghị đến Tòa án có thẩm quyền để xem xét, giải quyết.

2. Trình tự, thủ tục xem xét đơn kiến nghị đối với bản án, quyết định của Thẩm phán bị Tòa án nhân dân cấp tỉnh hủy, sửa do lỗi chủ quan, thực hiện như sau:

a) Bản án, quyết định của Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp huyện bị Tòa án nhân dân cấp tỉnh hủy, sửa, nếu Thẩm phán không đồng ý với quyết định đó thì gửi đơn kiến nghị, kèm theo bản án, quyết định bị hủy, sửa và các tài liệu có liên quan đến Tòa án nhân dân cấp cao để xem xét, giải quyết;

b) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đơn kiến nghị và các tài liệu gửi kèm theo của Thẩm phán, Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao có trách nhiệm chỉ đạo tổ chức nghiên cứu, giải quyết và thông báo cho Thẩm phán có đơn kiến nghị được biết kết quả; đồng thời gửi Ban Thanh tra Tòa án nhân dân tối cao 01 bản để phục vụ công tác giám sát Thẩm phán.

3. Trình tự, thủ tục xem xét đơn kiến nghị đối với bản án, quyết định của Thẩm phán bị Tòa án nhân dân cấp cao hoặc Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hủy, sửa do lỗi chủ quan, thực hiện như sau:

a) Bản án, quyết định của Thẩm phán bị Tòa án nhân dân cấp cao hủy, sửa do lỗi chủ quan, nếu Thẩm phán không đồng ý với quyết định của Tòa án nhân dân cấp cao thì gửi đơn kiến nghị đến Tòa án nhân dân tối cao (qua Ban Thanh tra) để xem xét, đề xuất;

b) Bản án, quyết định của Thẩm phán bị Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hủy, sửa do lỗi chủ quan, nếu Thẩm phán không đồng ý với quyết định của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì gửi đơn kiến nghị, kèm theo bản án, quyết định bị hủy, sửa và các tài liệu có liên quan đến Tòa án nhân dân tối cao (qua Ban Thanh tra) để nghiên cứu, đề xuất;

c) Thẩm phán có đơn kiến nghị Tòa án nhân dân cấp cao xem xét, giải quyết, nếu không đồng ý với kết quả giải quyết của Tòa án nhân dân cấp cao thì gửi đơn kiến nghị đến Tòa án nhân dân tối cao (qua Ban Thanh tra) để nghiên cứu, đề xuất;

d) Căn cứ vào tính chất vụ, việc, Ban Thanh tra chuyển đơn kiến nghị, kèm theo các tài liệu có liên quan của Thẩm phán đến các Vụ Giám đốc, kiểm tra để xem xét, giải quyết. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đơn kiến nghị

và các tài liệu do Ban Thanh tra chuyển đến, các Vụ giám đốc, kiểm tra có trách nhiệm tổ chức nghiên cứu, đề xuất, xây dựng tờ trình, trình Chánh án Tòa án nhân dân tối cao xem xét, quyết định; đồng thời thông báo cho Ban Thanh tra biết kết quả để trả lời cho người có đơn kiến nghị;

đ) Ngay sau khi nhận được ý kiến của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao hoặc người được Chánh án ủy quyền do các Vụ Giám đốc, kiểm tra chuyển đến, Ban Thanh tra thông báo cho Thẩm phán có đơn kiến nghị được biết và lưu hồ sơ giám sát Thẩm phán.

Mục 2: XỬ LÝ TRÁCH NHIỆM THẨM TRA VIÊN

Điều 19. Xử lý trách nhiệm bằng hình thức kiểm điểm trước cơ quan, đơn vị

Thẩm tra viên bị xử lý trách nhiệm bằng hình thức kiểm điểm trước cơ quan, đơn vị khi có một trong những hành vi vi phạm sau đây:

1. Không hoàn thành chỉ tiêu công tác chuyên môn, nghiệp vụ hàng tháng, quý, năm theo quy định của cơ quan, đơn vị mà không có lý do chính đáng.
2. Vi phạm trong việc yêu cầu, thu thập, tiếp nhận các tài liệu, chứng cứ do đương sự giao nộp theo quy định của pháp luật.
3. Thiếu trách nhiệm dẫn đến tờ trình, báo cáo, quyết định, công văn và các văn bản khác do Thẩm tra viên xây dựng, soạn thảo có nhiều lỗi, sai sót làm ảnh hưởng đến chất lượng giải quyết vụ, việc.
4. Chậm soạn thảo, xây dựng tờ trình, quyết định, báo cáo, công văn và các văn bản khác khi đã được người có thẩm quyền chỉ đạo, giao thực hiện làm ảnh hưởng đến tiến độ giải quyết vụ, việc.
5. Dem hồ sơ vụ án, tài liệu trong hồ sơ vụ án ra khỏi cơ quan hoặc sao chụp hồ sơ tài liệu không vì nhiệm vụ được giao hoặc không được sự đồng ý của người có thẩm quyền.
6. Thiếu trách nhiệm trong việc thực hiện quy định về cấp, giao, gửi hoặc thông báo các quyết định, văn bản tố tụng, văn bản thi hành án hình sự gây ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự; bị cáo, người bị kết án, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.
7. Vi phạm các quy định khác của pháp luật, quy định của Tòa án nhân dân tối cao về chức trách, nhiệm vụ của Thẩm tra viên.

Điều 20. Xử lý trách nhiệm bằng hình thức tạm dừng thực hiện nhiệm vụ được giao

Thẩm tra viên bị xử lý trách nhiệm bằng hình thức tạm dừng thực hiện nhiệm vụ được giao trong thời hạn 30 ngày, khi có một trong những hành vi vi phạm sau đây:

1. Trình, báo cáo không đầy đủ, báo cáo sai sự thật về các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án làm ảnh hưởng trực tiếp đến việc xem xét, đánh giá và quyết định của người có thẩm quyền.

2. Thiếu trách nhiệm dẫn đến đề 01 hồ sơ vụ, việc quá thời hạn giám đốc thẩm, tái thẩm dẫn đến vụ, việc không thể kháng nghị hoặc ra văn bản trả lời đương sự.

3. Vi phạm trong tham mưu, đề xuất người có thẩm quyền ban hành quyết định hoãn thi hành án dân sự trái quy định của pháp luật, gây thiệt hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự.

4. Thiếu trách nhiệm, không kịp thời tham mưu, đề xuất hoặc tham mưu, đề xuất sai dẫn đến người có thẩm quyền không ban hành hoặc ban hành 01 quyết định thi hành án phạt tù, quyết định hoãn hoặc tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù, quyết định giảm hoặc miễn thời gian chấp hành hình phạt tù; các quyết định khác thuộc thẩm quyền của Tòa án trái quy định của pháp luật.

5. Đã bị xử lý trách nhiệm bằng hình thức kiểm điểm trước cơ quan, đơn vị nhưng sau đó tiếp tục có một trong những hành vi vi phạm quy định tại Điều 19 Quy định này.

Điều 21. Xử lý trách nhiệm bằng hình thức bố trí làm công việc khác

1. Thẩm tra viên có một trong những hành vi vi phạm đã bị xử lý trách nhiệm bằng hình thức tạm dừng thực hiện nhiệm vụ được giao nhưng sau đó tiếp tục có một trong những hành vi vi phạm quy định tại Điều 20 của Quy định này, thì bị xử lý trách nhiệm bằng hình thức bố trí làm công việc khác trong thời hạn 18 tháng.

2. Thẩm tra viên bị xử lý trách nhiệm bằng hình thức bố trí làm công việc khác trong thời hạn 18 tháng, nếu sau đó tiếp tục có hành vi vi phạm trong khi thực hiện nhiệm vụ được giao, thì bị bố trí làm công việc khác không thời hạn.

Mục 3:

XỬ LÝ TRÁCH NHIỆM THƯ KÝ TÒA ÁN

Điều 22. Xử lý trách nhiệm bằng hình thức kiểm điểm trước cơ quan, đơn vị

Thư ký Tòa án bị xử lý trách nhiệm bằng hình thức kiểm điểm trước cơ quan, đơn vị khi có một trong những hành vi vi phạm sau đây:

1. Từ chối nhận đơn khởi kiện, đơn yêu cầu giải quyết vụ, việc trái quy định của pháp luật.

2. Không ghi biên bản, biên nhận, giấy hẹn cho người nộp đơn, không ghi số nhận đơn hoặc không chuyển đơn cho người có thẩm quyền xem xét theo quy định của pháp luật làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

3. Dem hồ sơ vụ, việc, tài liệu trong hồ sơ vụ, việc ra khỏi cơ quan hoặc sao chụp hồ sơ tài liệu không vì nhiệm vụ được giao hoặc không được sự đồng ý của người có thẩm quyền.

4. Thiếu trách nhiệm trong khi thực hiện quy định về cấp, giao, gửi hoặc thông báo các quyết định, văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, gây ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự; bị cáo, người bị kết án, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

5. Ghi không trung thực diễn biến tại phiên tòa, phiên hòa giải, phiên họp, biên bản lấy lời khai và các loại biên bản khác khi được người có thẩm quyền phân công, làm ảnh hưởng đến kết quả giải quyết vụ, việc.

6. Vi phạm các quy định khác của pháp luật, quy chế, quy định của Tòa án nhân dân về chức trách, nhiệm vụ của Thư ký Tòa án.

Điều 23. Xử lý trách nhiệm bằng hình thức tạm dừng thực hiện nhiệm vụ được giao

Thư ký Tòa án bị xử lý trách nhiệm bằng hình thức tạm dừng thực hiện nhiệm vụ được giao trong thời hạn 30 ngày, khi có một trong những hành vi vi phạm sau đây:

1. Thiếu trách nhiệm, dẫn đến trong một năm công tác có từ 02 hành vi vi phạm ghi không đầy đủ, không đúng sự thật mọi diễn biến tại phiên tòa, phiên hòa giải, phiên họp, biên bản lấy lời khai và các loại biên bản khác khi được người có thẩm quyền phân công, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

2. Thiếu trách nhiệm, dẫn đến trong một năm công tác có từ 02 hành vi vi phạm quy định về cấp, giao, gửi hoặc thông báo các quyết định, văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, gây thiệt hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự, bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ, việc.

3. Đã bị xử lý trách nhiệm bằng hình thức kiểm điểm trước cơ quan, đơn vị nhưng sau đó tiếp tục có một trong những hành vi vi phạm quy định tại Điều 22 Quy định này.

Điều 24. Xử lý trách nhiệm bằng hình thức bố trí làm công việc khác

1. Thư ký Tòa án có một trong những hành vi vi phạm đã bị xử lý trách nhiệm bằng hình thức tạm dừng thực hiện nhiệm vụ được giao nhưng sau đó tiếp tục có một trong những hành vi vi phạm quy định tại Điều 23 của Quy định này thì bị xử lý trách nhiệm bằng hình thức bố trí làm công việc khác trong thời hạn 18 tháng.

2. Thư ký Tòa án bị xử lý trách nhiệm bằng hình thức bố trí làm công việc khác trong thời hạn 18 tháng, nếu sau đó tiếp tục có hành vi vi phạm trong khi thực hiện nhiệm vụ được giao thì bị bố trí làm công việc khác không thời hạn.



Mục 4:

XỬ LÝ TRÁCH NHIỆM NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU

Điều 25. Xử lý trách nhiệm bằng hình thức kiểm điểm trước cơ quan, đơn vị

Người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong các Tòa án nhân dân bị xử lý trách nhiệm bằng hình thức kiểm điểm trước cơ quan, đơn vị khi có một trong những hành vi vi phạm trong công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành sau đây:

1. Trong một năm công tác, cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý có số người giữ chức danh tư pháp bị xử lý trách nhiệm chiếm tỷ lệ từ 10% trở lên trên tổng số người giữ chức danh tư pháp của cơ quan, đơn vị.

2. Thiếu trách nhiệm hoặc không tổ chức thực hiện việc công bố bản án, quyết định trên Công thông tin điện tử của Tòa án theo quy định tại Nghị quyết 03/2017/HĐPT ngày 16 tháng 3 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

3. Trong cơ quan, đơn vị có Thẩm phán để từ 02 vụ, việc quá thời hạn giải quyết, xét xử từ 12 tháng trở lên theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính.

4. Trong cơ quan, đơn vị có Thẩm tra viên để từ 01 vụ, việc quá thời hạn xem xét, giải quyết theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính dẫn đến vụ, việc không thể kháng nghị hoặc trả lời đơn cho đương sự.

5. Thiếu trách nhiệm để xảy ra vi phạm trong việc tổ chức công tác xét xử của Tòa án nhân dân thuộc quyền quản lý, gây ảnh hưởng đến uy tín, uy nghiêm, chất lượng công tác xét xử, giải quyết các vụ, việc.

6. Để quá thời hạn xử lý hoặc không xử lý trách nhiệm người giữ chức danh tư pháp có hành vi vi phạm bị xử lý theo quy định này.

7. Không chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ báo cáo hoặc báo cáo không kịp thời theo yêu cầu của Tòa án cấp trên khi đã có văn bản nhắc nhở lần thứ hai.

Điều 26. Xử lý trách nhiệm người đứng đầu cơ quan, đơn vị khi xảy ra vi phạm pháp luật tại cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý có liên quan đến tiêu cực, tham nhũng

Người đứng đầu cơ quan, đơn vị có người giữ chức danh tư pháp thuộc quyền quản lý thực hiện hành vi vi phạm liên quan đến tiêu cực, tham nhũng thì bị xử lý theo quy định của Luật phòng, chống tham nhũng và các quy định khác có liên quan.

Chương III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 27. Hiệu lực thi hành

1. Quy định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 07 năm 2017.

2. Đối với các bản án, quyết định đã giải quyết, xét xử sơ thẩm, phúc thẩm, giám đốc thẩm, tái thẩm trong nhiệm kỳ Thẩm phán bị Tòa án có thẩm quyền hủy, sửa trước ngày Quy định này có hiệu lực vẫn được xem xét để xử lý trách nhiệm Thẩm phán khi bổ nhiệm nâng ngạch hoặc bổ nhiệm lại Thẩm phán.

Điều 28. Tổ chức thực hiện



1. Thủ trưởng các đơn vị thuộc Tòa án nhân dân tối cao, Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao, Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Chánh án Tòa án nhân dân cấp huyện chịu trách nhiệm quán triệt và tổ chức thực hiện Quy định này.

2. Các đơn vị trong Tòa án nhân dân có trách nhiệm xây dựng, ban hành chỉ tiêu công tác hàng tháng, quý, năm, để làm căn cứ thực hiện và xử lý trách nhiệm khi có hành vi vi phạm.

3. Ban Thanh tra Tòa án nhân dân tối cao có trách nhiệm theo dõi, kiểm tra, đôn đốc thực hiện Quy định này.

4. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, phản ánh về Tòa án nhân dân tối cao thông qua Ban Thanh tra để được hướng dẫn kịp thời. Việc sửa đổi, bổ sung Quy định này do Chánh án Tòa án nhân dân tối cao quyết định. *lyc*

CHÁNH ÁN



Nguyễn Hòa Bình